

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2018

“V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC- TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Minh Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Dung- Nơi công tác: Hội liên hiệp phụ nữ huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Ngô Thị Kim Ngân- Nơi công tác: Hội liên hiệp phụ nữ xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thanh Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức- tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc: *“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS, ngày 9 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1982.

Bị đơn: Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 13, thôn 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Tôi và anh Phạm Hữu T có tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, vợ chồng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại nhà mẹ đẻ của tôi tại khu dân cư số 13, thôn 3, xã Đ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T gia trưởng ham chơi, không lo làm ăn, chăm lo cho gia đình, anh T hay vô cớ chửi, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm tôi, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tôi đã cố gắng chịu đựng, làm tròn bổn phận người vợ nhưng anh T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sống không hạnh phúc. Từ tháng 7/2017, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, phần ai người nấy sống, không quan đến nhau. Nay, tình cảm giữa tôi và anh T không còn nên tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn anh Phạm Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 21/9/2009 và Phạm Phương B, sinh ngày 05/9/2016. Từ ngày 27/10/2017, vợ chồng xảy ra cãi vã với nhau nên anh T dẫn 02 con về nhà nội tại thôn An Chi, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành ở, sau đó 02 ngày thì anh T dẫn cháu lớn Phạm Nguyễn Phương Đ về sống với tôi đi học, còn cháu nhỏ Phạm Phương B ở với anh T cho đến nay. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi 02 con chung tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Lý do tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con vì: Hiện tôi đang công tác tại Trạm y tế xã Đ có thu nhập ổn định hằng tháng là 7.489.000 đồng, tôi ở với mẹ tôi có chỗ ở ổn định, mẹ tôi đồng ý cho tôi nhà, đất để tôi nuôi con; còn anh T thất nghiệp từ năm 2013 đến nay sống với cha mẹ già, thu nhập không ổn định, khi có việc làm thì anh T thường đi làm xa nhà, không có thời gian chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 28/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Hữu T trình bày: Tôi và Nguyễn Thị P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà mẹ vợ tại thôn 3, xã Đ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do vợ chồng sống chung với mẹ vợ nên vợ tôi đã nghe lời mẹ vợ dẫn đến vợ chồng bất đồng cãi vã với nhau; tôi nhiều lần bảo vợ ra ở riêng, vợ chồng có ra thuê nhà ở riêng được hơn một năm thì vợ tôi gần xinh đưa con gái nhỏ nên vợ tôi nhất quyết về nhà mẹ vợ sinh, nên vợ chồng về lại nhà mẹ vợ sống. Sau khi về chung sống thì đến ngày 16/9/2017 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn sống không hạnh phúc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tôi sống tại nhà mẹ vợ, mẹ vợ và vợ tôi không tôn trọng tôi và có những lời nói xúc phạm đến tôi. Ngày 27/10/2017, tôi dẫn đưa con gái lớn về nhà Nội chơi thì vợ tôi không cho đi mà còn đánh tôi rồi bỏ chạy, thấy vậy mẹ vợ giữ tôi sợ tôi đánh vợ nên bà nói nếu tôi dẫn con đi thì bà tổ chức ăn mừng. Nghe nói vậy tôi trả xe mô tô cho vợ và tôi gọi taxi dẫn hai con về nhà Nội tại xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành ở cùng cha mẹ đẻ tôi. Sau đó, tôi chở con gái lớn về lại nhà mẹ vợ để cho con đi học. Nay cô P yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý. Nếu vợ chồng đoàn tụ chung sống thì vợ chồng về nhà Nội tại thôn An Chi, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như cô P trình bày, hiện cháu B đang sống với tôi, cháu Đ đang sống với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn thì tôi yêu cầu nuôi 02 con chung, tôi không yêu cầu cô P cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tôi là Kỹ sư xây dựng cho Công ty CP tư vấn và kiểm định chất lượng công trình Hưng Tín tại Quảng Ngãi có thu thập hàng tháng chưa tính phụ cấp là 7.000.000 đồng. Hiện tôi đang sống với cha mẹ tôi, có nhà ổn định sau này cha mẹ tôi sẽ cho tôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: căn cứ theo quy định tại điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán. Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng của toà án đúng quy định của tố tụng dân sự; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải đúng quy định. Các đương sự chấp hành tốt theo giáp triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử điều hành phiên tòa đúng trình tự thủ tục, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị P và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 15/9/2009 trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà mẹ đẻ chị P tại khu dân cư số 13, thôn 3, xã Đ. Từ tháng 10/2017, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhau. Nay nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có hướng khắc phục mâu thuẫn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 21/9/2009 và Phạm Phương B, sinh ngày 05/9/2016. Nguyên đơn, bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con nhưng chị P là phụ nữ, là người thường xuyên chăm sóc con chung. Mặt khác, các cháu đều là con gái, cháu Đ có nguyện vọng sống với mẹ, cháu B dưới 36 tháng tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đ, cháu B cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Các bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

* Các tình tiết sự kiện các đương sự thống nhất:

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 21/9/2009; Phạm Phương B, sinh ngày 05/9/2016.

Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tình tiết sự kiện các đương sự không thống nhất:

Về hôn nhân: nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được nuôi 02 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀN ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P và bị đơn là anh Phạm Hữu T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 15/9/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống với nhau nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã với nhau. Nguyên đơn thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T gia trưởng, ham chơi, không lo làm ăn chăm lo cho gia đình; anh T hay xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bị đơn thì cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn do cảnh sống tại nhà mẹ vợ, bản thân bị đơn có mâu thuẫn với mẹ vợ, chị P nghe lời mẹ nên vợ chồng xảy ra bất đồng với nhau, có cãi vã dẫn đến có lần nguyên đơn đánh bị đơn. Anh, chị đều thừa nhận từ ngày 27/10/2017 anh, chị sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn. Nhưng bị đơn không có hướng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng trở về đoàn tụ chung sống. Mặt khác, nguyên đơn không muốn tiếp tục chung sống và cương quyết ly hôn với bị đơn. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 21/9/2009; Phạm Phương B, sinh ngày 05/9/2016. Nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con; nguyên đơn yêu cầu nuôi 02 con chung, bị đơn cũng yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét về điều kiện của nguyên đơn và bị đơn thì nguyên đơn hiện nay đang là viên chức tại Trạm Y tế xã Đ, có thu nhập hằng tháng và chỗ ở ổn định; bị đơn có thu nhập, nhưng sống cùng với cha mẹ già cần nuôi dưỡng tại thôn An Chỉ, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Đ được sống với mẹ, còn cháu B dưới 36 tháng tuổi; cháu Đ và cháu B là con gái cần sự chăm sóc, giáo dục của mẹ để các cháu được phát triển tốt về tâm sinh lý sau này. Để đảm bảo sự phát triển toàn vẹn của các cháu, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Đ, cháu B. Nên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao 02 con chung chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Khoản 04 Điều 147, khoản 02 Điều 244 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56; 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Cho nguyên đơn Nguyễn Thị P được ly hôn bị đơn Phạm Hữu T.

2. Giao cháu Phạm Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 21/9/2009 và Phạm Phương B, sinh ngày 05/9/2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số: AA/2016/000911 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/01/2018).

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Vương